

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-8-2024
“ V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Hội;

Bà Lương Thị Anh Đào.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Liếng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 15 tháng 7 và 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1982.

2. **Bị đơn:** Anh Bùi H (H1) T, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

(Nguyên đơn vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt. Bị đơn triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B thể hiện ý kiến như sau: Vào năm 2001, chị và anh Bùi H (H1) T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh An Giang vào ngày 26/4/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được nên vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 4 năm 2023. Nay chị yêu cầu được ly hôn với chồng là anh Bùi H (H1) T. Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Trung V, sinh ngày 04/4/2001 và Bùi Thị Nguyễn N, sinh ngày 23/10/2005. Hai con chung đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được

nên chị **B** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **B** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh **Bùi H (H1) T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có đơn xin vắng mặt và không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị **Nguyễn Thị Ngọc B** kiện anh **Bùi H (H) T**, sinh năm 1979, địa chỉ: **ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp** để yêu cầu ly hôn. Đây là vụ kiện “Ly hôn”. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Ngọc B** vắng mặt và có văn bản xin vắng mặt. Bị đơn anh **Bùi H (H1) T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Ngọc B**, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Ngọc B** và anh **Bùi H (H1) T** chung sống với nhau năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **H, huyện P, tỉnh An Giang** vào ngày 26/4/2003 theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Chị **Nguyễn Thị Ngọc B** cho rằng vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sống không hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 4 năm 2023 nên chị cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh **Bùi H (H1) T**. Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án và đến ngày xét xử vụ án thì anh **Bùi H (H1) T** không đến Tòa án và không có văn bản thể hiện ý kiến gửi đến Tòa án. Điều này thể hiện anh **T** không bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Ngọc B** và tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, thể hiện anh **T** không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị **B**.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **Nguyễn Thị Ngọc B** và anh **Bùi H (H1) T** đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được nên chị **B** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **T** là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Chị **B** cho rằng chị và anh **T** có 02 con chung tên **Bùi Trung V**, sinh ngày 04/4/2001 và **Bùi Thị Nguyễn N**, sinh ngày 23/10/2005. Hai con chung đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên chị **B** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Ngọc B** không yêu cầu. Bị đơn anh **Bùi H (H1) T** không có ý kiến hay yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Ngọc B** phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị Ngọc B**.

Chị **Nguyễn Thị Ngọc B** được ly hôn với anh **Bùi H (H1) T**.

- Về con chung: Đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị **Nguyễn Thị Ngọc B** chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0000687 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, chị **B** không phải nộp thêm. Anh **Bùi H (H1) T** không phải chịu tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- UB nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyên